

Số: 2003/QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên hệ đại học chính quy  
tiếng Anh bán phần chất lượng cao đợt tháng 6 năm 2024

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học hệ chính theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản Hội đồng học xét tốt nghiệp số 861/BB-ĐHNH, ngày 28/06/2024 và Tờ trình số 235/TTr-ĐHNH-PQLĐT ngày 28 tháng 06 năm 2024 của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp cho 151 sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần (CLC) đợt tháng 6 năm 2024.

(Danh sách đính kèm)

**Điều 2.** Các sinh viên có tên ở Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn Phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- CT.HĐT, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Phòng TVTS & PTTT (để đăng tin);
- Lưu VP, PQLĐT, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG *Ph*

PGS.TS. Nguyễn Đức Trung



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TIẾNG ANH BẢN PHẦN CHẤT LƯỢNG CAO**

**ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 6 NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2003/QĐ-ĐHNH, ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng)

| STT | Mã SV        | Họ và tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh          | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập toàn khóa |      |       | Ngành tốt nghiệp      | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|---------------------|-------|------------|-------------------|-----------|-----------|---------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|
|     |              |                     |       |            |                   |           |           | Hệ 10                     | Hệ 4 | SỐ TC |                       |          |      |
| 1   | 030805170176 | Nguyễn Trần Hữu     | Khang | 04/12/1999 | TP. Hồ Chí Minh   | Nam       | HQ5-GE01  | 6.75                      | 2.70 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K5   |
| 2   | 030633171175 | Võ Trần Mỹ          | Linh  | 30/07/1999 | Tiền Giang        | Nữ        | HQ5-GE04  | 7.14                      | 2.86 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K5   |
| 3   | 030633171466 | Bùi Thị Hải         | Vân   | 24/07/1998 | An Giang          | Nữ        | HQ5-GE04  | 6.68                      | 2.67 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K5   |
| 4   | 030805170220 | Trần Thị Khánh      | Linh  | 18/04/1999 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ        | HQ5-GE08  | 7.26                      | 2.90 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K5   |
| 5   | 050606180023 | Trần Ngọc           | Anh   | 27/12/2000 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ6-GE02  | 7.11                      | 2.84 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |
| 6   | 050606180141 | Trần Thị Mỹ         | Huyền | 11/04/2000 | Khánh Hòa         | Nữ        | HQ6-GE02  | 7.71                      | 3.09 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |
| 7   | 050606180448 | Nguyễn Thị Thùy     | Vân   | 05/11/2000 | Đồng Nai          | Nữ        | HQ6-GE03  | 7.33                      | 2.93 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |
| 8   | 050606180125 | Lê Đình             | Huân  | 18/07/2000 | Cà Mau            | Nam       | HQ6-GE08  | 6.86                      | 2.74 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |
| 9   | 050606180157 | Đồng Minh           | Khang | 07/07/2000 | Tiền Giang        | Nam       | HQ6-GE08  | 7.86                      | 3.14 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |
| 10  | 050606180295 | Phạm Hữu            | Phát  | 05/06/2000 | Gia Lai           | Nam       | HQ6-GE08  | 7.16                      | 2.86 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |
| 11  | 050606180342 | Phạm Thanh          | Toàn  | 31/01/2000 | TP. Hồ Chí Minh   | Nam       | HQ6-GE08  | 8.00                      | 3.20 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K6   |
| 12  | 050606180267 | Tổng Lê Thanh       | Nhàn  | 05/01/2000 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ6-GE05  | 7.68                      | 3.07 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |
| 13  | 050606180419 | Trương Nguyễn Thanh | Trang | 04/05/2000 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ6-GE05  | 7.00                      | 2.80 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |
| 14  | 050606180001 | Dương Thị Ly        | A     | 25/02/2000 | Phú Yên           | Nữ        | HQ6-GE11  | 7.64                      | 3.06 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |
| 15  | 050606180035 | Nguyễn Phạm Mai     | Bình  | 01/09/2000 | Bến Tre           | Nữ        | HQ6-GE11  | 7.14                      | 2.86 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |
| 16  | 050606180051 | Nguyễn Thị Linh     | Chi   | 16/08/2000 | Bình Phước        | Nữ        | HQ6-GE11  | 7.57                      | 3.03 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |
| 17  | 050606180061 | Nguyễn Thị Thùy     | Dung  | 13/06/2000 | Bình Phước        | Nữ        | HQ6-GE11  | 7.72                      | 3.09 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |
| 18  | 050606180084 | Trần Quỳnh          | Giang | 17/04/2000 | Hà Tĩnh           | Nữ        | HQ6-GE11  | 7.96                      | 3.18 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |
| 19  | 050606180148 | Phạm Thu            | Hương | 08/04/2000 | Hưng Yên          | Nữ        | HQ6-GE11  | 8.38                      | 3.35 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K6   |
| 20  | 050606180243 | Bùi Nguyễn Bảo      | Ngọc  | 16/04/1999 | Tiền Giang        | Nữ        | HQ6-GE11  | 7.32                      | 2.93 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |

Th

| STT | Mã SV        | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Nơi sinh          | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập toàn khóa |      |       | Ngành tốt nghiệp      | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|-------------------|--------|------------|-------------------|-----------|-----------|---------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|
|     |              |                   |        |            |                   |           |           | Hệ 10                     | Hệ 4 | SỐ TC |                       |          |      |
| 21  | 030134180343 | Võ Kỳ             | Nguyên | 17/10/2000 | Ninh Thuận        | Nam       | HQ6-GE12  | 6.90                      | 2.76 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |
| 22  | 050607190361 | Nguyễn Thị Hồng   | Nhung  | 01/02/2001 | Bình Thuận        | Nữ        | HQ7-GE01  | 7.99                      | 3.19 | 130   | Kế toán               | Khá      | K7   |
| 23  | 050607190530 | Nguyễn Đông       | Tiên   | 08/05/2001 | Tiền Giang        | Nữ        | HQ7-GE08  | 7.76                      | 3.10 | 130   | Kế toán               | Khá      | K7   |
| 24  | 050607190026 | Nguyễn Duy        | Anh    | 10/07/2001 | Sơn La            | Nam       | HQ7-GE08  | 7.03                      | 2.81 | 130   | Kế toán               | Khá      | K7   |
| 25  | 050607190578 | Lê Mộng Hương     | Trinh  | 12/09/2001 | Đồng Nai          | Nữ        | HQ7-GE08  | 9.04                      | 3.62 | 130   | Kế toán               | Xuất sắc | K7   |
| 26  | 030135190690 | Võ Thị Cẩm        | Tú     | 12/03/2001 | Long An           | Nữ        | HQ7-GE08  | 8.56                      | 3.42 | 130   | Kế toán               | Giỏi     | K7   |
| 27  | 050607190007 | Võ Trịnh Thúy     | An     | 26/02/2001 | Quảng Ngãi        | Nữ        | HQ7-GE09  | 7.05                      | 2.82 | 130   | Kế toán               | Khá      | K7   |
| 28  | 050607190445 | Nguyễn Thị Ngân   | Tâm    | 31/10/2001 | Đồng Nai          | Nữ        | HQ7-GE09  | 7.62                      | 3.05 | 130   | Kế toán               | Khá      | K7   |
| 29  | 050607190218 | Lê Phạm Hoàng     | Lan    | 07/09/2001 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ        | HQ7-GE02  | 7.98                      | 3.19 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 30  | 050607190282 | Cao Thị Kim       | Ngân   | 05/03/2001 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ7-GE02  | 8.90                      | 3.56 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |
| 31  | 050607190316 | Lê Nguyễn Nhật    | Nguyên | 03/02/2001 | Phú Yên           | Nữ        | HQ7-GE02  | 8.37                      | 3.35 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |
| 32  | 050607190514 | Phan Nhã          | Thư    | 08/06/2001 | Tiền Giang        | Nữ        | HQ7-GE02  | 8.40                      | 3.36 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |
| 33  | 050607190577 | Hồ Phương         | Trinh  | 09/01/2001 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ7-GE02  | 7.92                      | 3.17 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 34  | 050607190579 | Lý Ngọc           | Trinh  | 06/04/2001 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ7-GE02  | 8.28                      | 3.31 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |
| 35  | 050607190192 | Lưu Hoàng         | Khang  | 15/08/2001 | TP. Hồ Chí Minh   | Nam       | HQ7-GE03  | 7.21                      | 2.89 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 36  | 050607190253 | Phạm Lê Ngọc      | Mai    | 30/03/2001 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ7-GE03  | 7.67                      | 3.07 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 37  | 050607190057 | Nguyễn Kim Ngọc   | Bích   | 05/11/2001 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ7-GE10  | 8.54                      | 3.42 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |
| 38  | 030335190167 | Nguyễn Đặng Thiên | Nguyên | 02/04/2001 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ7-GE10  | 7.66                      | 3.06 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 39  | 050607190392 | Văn Huy           | Phúc   | 08/01/2001 | Đắk Lắk           | Nam       | HQ7-GE10  | 7.47                      | 2.99 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 40  | 050607190446 | Trịnh Thanh       | Tâm    | 02/07/2001 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ        | HQ7-GE10  | 8.21                      | 3.28 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |
| 41  | 050607190104 | Huỳnh Quốc        | Đang   | 16/09/2001 | Đồng Tháp         | Nam       | HQ7-GE11  | 7.66                      | 3.06 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 42  | 050607190096 | Trần Thị Mỹ       | Duyên  | 15/10/2000 | Hà Tĩnh           | Nữ        | HQ7-GE11  | 8.48                      | 3.39 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |
| 43  | 050607190182 | Nguyễn Gia        | Hưng   | 16/06/2001 | Bình Dương        | Nam       | HQ7-GE11  | 8.27                      | 3.31 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |
| 44  | 050607190477 | Trần Thị Hồng     | Thắm   | 15/02/2001 | Đồng Nai          | Nữ        | HQ7-GE11  | 7.62                      | 3.05 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |

| STT | Mã SV        | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập<br>toàn khóa |      |       | Ngành tốt nghiệp      | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|------------------|-------|------------|-----------------|-----------|-----------|------------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|
|     |              |                  |       |            |                 |           |           | Hệ 10                        | Hệ 4 | SỐ TC |                       |          |      |
| 45  | 030335190329 | Phan Thanh       | Vy    | 10/11/2001 | Hàn Quốc        | Nữ        | HQ7-GE11  | 7.58                         | 3.03 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 46  | 050607190148 | Trần Thị Mỹ      | Hậu   | 24/08/2001 | Bình Phước      | Nữ        | HQ7-GE13  | 7.43                         | 2.97 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 47  | 050607190177 | Nguyễn Ngọc      | Huyền | 22/05/2000 | Cà Mau          | Nữ        | HQ7-GE12  | 7.30                         | 2.92 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 48  | 050607190208 | Nguyễn Trần Minh | Khuê  | 21/11/2001 | Tiền Giang      | Nữ        | HQ7-GE12  | 7.55                         | 3.02 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 49  | 050607190287 | Lê Thị Kim       | Ngân  | 17/01/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        | HQ7-GE12  | 7.68                         | 3.07 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 50  | 050607190461 | Phạm Hoài        | Thanh | 20/04/2001 | Quảng Ngãi      | Nữ        | HQ7-GE12  | 7.55                         | 3.02 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 51  | 050607190489 | Trương Quốc      | Thịnh | 24/06/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       | HQ7-GE12  | 8.14                         | 3.26 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |
| 52  | 050607190676 | Võ Yến           | Vy    | 18/07/2001 | Bình Thuận      | Nữ        | HQ7-GE12  | 7.93                         | 3.17 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |
| 53  | 050607190637 | Nguyễn Thị Thúy  | Vi    | 24/07/2001 | Tây Ninh        | Nữ        | HQ7-GE13  | 8.11                         | 3.24 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |
| 54  | 050607190036 | Nguyễn Thị Vân   | Anh   | 05/02/2001 | Bình Định       | Nữ        | HQ7-GE04  | 7.37                         | 2.95 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 55  | 050607190193 | Phan Vũ Duy      | Khang | 05/06/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       | HQ7-GE04  | 9.18                         | 3.67 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Xuất sắc | K7   |
| 56  | 030135190508 | Hồ Lê Mỹ         | Thanh | 27/12/2001 | Bình Thuận      | Nữ        | HQ7-GE04  | 7.95                         | 3.18 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 57  | 050607190673 | Võ Thảo          | Vy    | 05/01/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        | HQ7-GE04  | 8.03                         | 3.21 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |
| 58  | 050607190203 | Nguyễn Anh       | Khoa  | 22/06/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       | HQ7-GE05  | 8.80                         | 3.52 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |
| 59  | 050607190376 | Đỗ Minh          | Nhật  | 14/07/2001 | Long An         | Nam       | HQ7-GE05  | 7.01                         | 2.80 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 60  | 050607190464 | Trần Huỳnh Thanh | Thanh | 08/06/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        | HQ7-GE05  | 7.38                         | 2.95 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 61  | 050607190609 | Phạm Trần Anh    | Tuấn  | 10/05/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       | HQ7-GE05  | 7.68                         | 3.07 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 62  | 050607190122 | Hoàng Khánh      | Hà    | 18/07/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        | HQ7-GE06  | 7.56                         | 3.02 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 63  | 050607190574 | Nguyễn Nhất      | Trí   | 18/04/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       | HQ7-GE06  | 7.98                         | 3.19 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | khá      | K7   |
| 64  | 050607190298 | Trần Vũ Phương   | Ngân  | 25/08/2001 | Đồng Nai        | Nữ        | HQ7-GE07  | 7.33                         | 2.93 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 65  | 050607190568 | Trịnh Tuyết      | Trâm  | 26/03/2001 | Tiền Giang      | Nữ        | HQ7-GE07  | 8.42                         | 3.37 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |
| 66  | 050607190672 | Võ Ngọc Yến      | Vy    | 21/08/2001 | Đồng Tháp       | Nữ        | HQ7-GE07  | 7.92                         | 3.17 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 67  | 030135190101 | Trần Khánh       | Dương | 03/09/2001 | Phú Thọ         | Nữ        | HQ7-GE14  | 7.41                         | 2.96 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 68  | 050607190135 | Võ Hoàng         | Hạnh  | 03/08/2001 | Bình Dương      | Nữ        | HQ7-GE14  | 7.79                         | 3.11 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |

| STT | Mã SV        | Họ và tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập<br>toàn khóa |      |       | Ngành tốt nghiệp      | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|--------------------|--------|------------|-----------------|-----------|-----------|------------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|
|     |              |                    |        |            |                 |           |           | Hệ 10                        | Hệ 4 | SỐ TC |                       |          |      |
| 69  | 050607190156 | Nguyễn Xuân        | Hiển   | 01/05/2001 | Đồng Nai        | Nam       | HQ7-GE14  | 7.47                         | 2.99 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 70  | 050607190366 | Vũ Phạm Cẩm        | Nhung  | 03/07/2001 | Đồng Nai        | Nữ        | HQ7-GE14  | 7.36                         | 2.94 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 71  | 050607190476 | Nguyễn Thị Ngọc    | Thắm   | 05/04/2001 | Quảng Nam       | Nữ        | HQ7-GE14  | 7.96                         | 3.19 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 72  | 050607190602 | Nguyễn Thị Cẩm     | Tú     | 02/05/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        | HQ7-GE14  | 7.84                         | 3.14 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 73  | 050607190517 | Võ Anh             | Thư    | 07/07/2001 | Bình Định       | Nữ        | HQ7-GE15  | 7.84                         | 3.14 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 74  | 050607190347 | Nguyễn Ngọc Phương | Nhi    | 10/11/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        | HQ7-GE15  | 8.35                         | 3.34 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |
| 75  | 050607190070 | Huỳnh Đạt          | Chương | 17/10/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       | HQ7-GE16  | 6.77                         | 2.71 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 76  | 050607190164 | Nguyễn Thị         | Hồng   | 14/01/2001 | Thanh Hóa       | Nữ        | HQ7-GE16  | 7.40                         | 2.96 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 77  | 050607190209 | Đào Thanh          | Kiên   | 14/09/2001 | Kiên Giang      | Nam       | HQ7-GE16  | 8.13                         | 3.25 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |
| 78  | 050607190439 | Nghiêm Xuân        | Sơn    | 20/05/2001 | Đồng Nai        | Nam       | HQ7-GE16  | 7.68                         | 3.07 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 79  | 050607190483 | Phan Thị Anh       | Thi    | 13/04/2001 | Bến Tre         | Nữ        | HQ7-GE16  | 8.50                         | 3.40 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |
| 80  | 050607190631 | Gín Mai Quế        | Vân    | 16/02/2001 | Lâm Đồng        | Nữ        | HQ7-GE16  | 7.22                         | 2.89 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 81  | 050607190269 | Trần Ngọc Thảo     | My     | 21/03/2001 | Khánh Hòa       | Nữ        | HQ7-GE17  | 7.46                         | 2.98 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 82  | 050607190008 | Vũ Mỹ              | An     | 29/10/2001 | Đà Nẵng         | Nữ        | HQ7-GE18  | 7.91                         | 3.16 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 83  | 050607190066 | Nguyễn Thị Quế     | Chi    | 29/01/2001 | Bình Dương      | Nữ        | HQ7-GE18  | 7.42                         | 2.97 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 84  | 050607190584 | Phạm Ngọc Thảo     | Trinh  | 30/04/2001 | Lâm Đồng        | Nữ        | HQ7-GE18  | 7.64                         | 3.06 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |
| 85  | 050607190671 | Văn Ngọc Tường     | Vy     | 25/05/2001 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        | HQ7-GE18  | 8.51                         | 3.40 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |
| 86  | 050608200261 | Nguyễn Ngọc        | Châu   | 17/05/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        | HQ8-GE01  | 8.36                         | 3.35 | 123   | Kế toán               | Giỏi     | K8   |
| 87  | 050608200580 | Trần Minh          | Quang  | 28/11/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nam       | HQ8-GE10  | 8.36                         | 3.35 | 123   | Kế toán               | Giỏi     | K8   |
| 88  | 050608200342 | Nguyễn Huỳnh Gia   | Hân    | 12/06/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        | HQ8-GE02  | 7.88                         | 3.15 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K8   |
| 89  | 050608200589 | Ngô Võ Thị Mai     | Quyên  | 10/01/2002 | Tiền Giang      | Nữ        | HQ8-GE02  | 7.67                         | 3.07 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K8   |
| 90  | 050608200640 | Ngô Lan            | Thanh  | 20/02/2002 | Đồng Nai        | Nữ        | HQ8-GE02  | 7.94                         | 3.18 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K8   |
| 91  | 050608200159 | Phạm Nguyễn Như    | Thủy   | 24/03/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        | HQ8-GE02  | 8.10                         | 3.24 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |
| 92  | 050608200195 | Phạm Hồng Thanh    | Vân    | 24/06/2002 | TP. Hồ Chí Minh | Nữ        | HQ8-GE02  | 8.32                         | 3.33 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |

| STT | Mã SV        | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh          | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập<br>toàn khóa |      |       | Ngành tốt nghiệp      | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|----------------------|------------|-------------------|-----------|-----------|------------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|
|     |              |                      |            |                   |           |           | Hệ 10                        | Hệ 4 | SỐ TC |                       |          |      |
| 93  | 050608200790 | Trương Thị Thảo Vy   | 02/06/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE02  | 8.07                         | 3.23 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |
| 94  | 050608200400 | Phan Lê Đăng Khoa    | 08/12/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nam       | HQ8-GE03  | 8.20                         | 3.28 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |
| 95  | 050608200603 | Phan Thị Hương Quỳnh | 04/12/2002 | Ninh Bình         | Nữ        | HQ8-GE03  | 8.56                         | 3.42 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |
| 96  | 050608200155 | Trần Ngọc Anh Thư    | 26/10/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE03  | 8.16                         | 3.26 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |
| 97  | 050608200123 | Phạm Yến Nhi         | 13/01/2002 | Đồng Tháp         | Nữ        | HQ8-GE11  | 7.77                         | 3.11 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K8   |
| 98  | 050608200460 | Quách Hằng Ni        | 18/01/2002 | Bạc Liêu          | Nữ        | HQ8-GE11  | 8.78                         | 3.51 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |
| 99  | 050608200275 | Trần Thị Thùy Dung   | 05/07/2002 | Bình Dương        | Nữ        | HQ8-GE12  | 7.38                         | 2.95 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K8   |
| 100 | 050608200327 | Nguyễn Lê Hạo        | 26/07/2002 | Bình Định         | Nam       | HQ8-GE12  | 7.66                         | 3.06 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K8   |
| 101 | 050608200446 | Phạm Tuyết Minh      | 09/06/2002 | Cần Thơ           | Nữ        | HQ8-GE12  | 7.85                         | 3.14 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K8   |
| 102 | 050608200263 | Hoàng Ngọc Thanh Chi | 17/10/2002 | Đắk Lắk           | Nữ        | HQ8-GE13  | 8.15                         | 3.26 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |
| 103 | 050608200308 | Nguyễn Minh Đức      | 08/10/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nam       | HQ8-GE13  | 7.61                         | 3.04 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K8   |
| 104 | 050608200208 | Huỳnh Hoài An        | 06/03/2001 | Long An           | Nam       | HQ8-GE04  | 8.81                         | 3.52 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 105 | 050608200039 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên  | 04/01/2002 | Kiên Giang        | Nữ        | HQ8-GE04  | 7.89                         | 3.16 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K8   |
| 106 | 050608200058 | Dương Xuân Hào       | 18/02/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE04  | 8.43                         | 3.37 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 107 | 050608200379 | Từ Lê Lan Hương      | 04/03/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE04  | 8.61                         | 3.44 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 108 | 050608200072 | Nguyễn Hào Gia Khánh | 11/02/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE04  | 8.54                         | 3.42 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 109 | 050608200503 | Võ Thanh Nhã         | 01/01/2002 | Hậu Giang         | Nam       | HQ8-GE04  | 8.25                         | 3.30 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 110 | 030136200043 | Phạm Hồng Ân         | 22/05/2002 | Đồng Nai          | Nữ        | HQ8-GE05  | 8.36                         | 3.34 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 111 | 050608200579 | Phùng Nhứt Quang     | 23/11/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nam       | HQ8-GE05  | 8.25                         | 3.30 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 112 | 050608200604 | Trần Như Quỳnh       | 17/05/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE05  | 8.39                         | 3.36 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 113 | 030136200110 | Trần Thảo Duyên      | 15/08/2002 | Lâm Đồng          | Nữ        | HQ8-GE06  | 8.56                         | 3.43 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 114 | 030136200268 | Trần Xuân Khôi       | 17/08/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nam       | HQ8-GE06  | 8.60                         | 3.44 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 115 | 050608200407 | Trần Thị Lan         | 10/06/2002 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ        | HQ8-GE06  | 8.07                         | 3.23 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 116 | 050608200408 | Mai Hồ Ngọc Liên     | 16/08/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE06  | 8.41                         | 3.36 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |

| STT | Mã SV        | Họ và tên         |       | Ngày sinh  | Nơi sinh          | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập<br>toàn khóa |      |       | Ngành tốt nghiệp      | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|-------------------|-------|------------|-------------------|-----------|-----------|------------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|
|     |              |                   |       |            |                   |           |           | Hệ 10                        | Hệ 4 | SỐ TC |                       |          |      |
| 117 | 050608200598 | Nguyễn            | Quỳnh | 05/08/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE06  | 8.28                         | 3.31 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 118 | 050608200713 | Vũ Phạm Hải       | Thy   | 08/07/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE06  | 8.17                         | 3.27 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 119 | 050608200274 | Thái Y            | Dung  | 29/09/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE07  | 8.64                         | 3.46 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 120 | 050608200409 | Châu Mỹ           | Linh  | 25/08/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE07  | 8.65                         | 3.46 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 121 | 030136200482 | Mai Hoàng         | Phúc  | 20/10/2002 | Quảng Ngãi        | Nam       | HQ8-GE07  | 8.19                         | 3.27 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 122 | 050608200719 | Mạc Thị Quỳnh     | Trang | 29/09/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE07  | 7.93                         | 3.17 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K8   |
| 123 | 050608200028 | Trần Nguyễn Loan  | Châu  | 29/11/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE08  | 8.82                         | 3.53 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 124 | 050608200691 | Ngô Nguyễn Anh    | Thư   | 10/11/2002 | Bình Định         | Nữ        | HQ8-GE08  | 7.97                         | 3.19 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K8   |
| 125 | 050608200429 | Lê Hoàng          | Long  | 12/01/2002 | Phú Yên           | Nam       | HQ8-GE14  | 8.65                         | 3.46 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 126 | 050608200544 | Lê Thị Quỳnh      | Như   | 01/01/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE14  | 8.21                         | 3.29 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 127 | 050608200558 | Nguyễn Thị Tố     | Oanh  | 22/04/2001 | Đắk Lắk           | Nữ        | HQ8-GE14  | 8.09                         | 3.24 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 128 | 050608200716 | Lâm Hoàng Huyền   | Trang | 10/01/2002 | Nghệ An           | Nữ        | HQ8-GE14  | 9.18                         | 3.67 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Xuất sắc | K8   |
| 129 | 050608200332 | Nguyễn Thúy       | Hằng  | 09/02/2002 | TP. Hồ Chí Minh   | Nữ        | HQ8-GE15  | 7.97                         | 3.19 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K8   |
| 130 | 050608200734 | Trần Thị Hoài     | Trâm  | 15/04/2002 | Đồng Nai          | Nữ        | HQ8-GE16  | 8.46                         | 3.38 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 131 | 050608200260 | Nguyễn Hoàng      | Châu  | 28/08/2002 | Khánh Hòa         | Nữ        | HQ8-GE17  | 8.29                         | 3.32 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 132 | 050608200282 | Trương Hoàng Nhật | Duy   | 27/08/2002 | Sóc Trăng         | Nam       | HQ8-GE17  | 8.54                         | 3.42 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 133 | 050608200052 | Nguyễn Lâm Vĩnh   | Hân   | 04/09/2002 | Tây Ninh          | Nữ        | HQ8-GE17  | 7.77                         | 3.11 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K8   |
| 134 | 050608200347 | Trần Thục         | Hiền  | 13/07/2002 | Thừa Thiên Huế    | Nữ        | HQ8-GE17  | 8.29                         | 3.31 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 135 | 050608200445 | Nguyễn Hải        | Minh  | 01/10/2002 | Hà Nội            | Nam       | HQ8-GE17  | 7.54                         | 3.02 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K8   |
| 136 | 050608200475 | Trần Vũ Bảo       | Ngân  | 20/07/2002 | Bình Thuận        | Nữ        | HQ8-GE17  | 8.30                         | 3.32 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 137 | 050608200538 | Hàn Hồng          | Nhung | 21/08/2002 | Gia Lai           | Nữ        | HQ8-GE18  | 8.21                         | 3.28 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 138 | 050608200540 | Nguyễn Hồng       | Nhung | 22/08/2002 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nữ        | HQ8-GE18  | 8.06                         | 3.22 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 139 | 050608200599 | Nguyễn Thị Diễm   | Quỳnh | 01/10/2002 | Bình Thuận        | Nữ        | HQ8-GE18  | 7.86                         | 3.14 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K8   |
| 140 | 050608200650 | Nguyễn Thị Phương | Thảo  | 23/09/2002 | Bình Thuận        | Nữ        | HQ8-GE18  | 8.30                         | 3.32 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |

| STT | Mã SV        | Họ và tên          |        | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập<br>toàn khóa |      |       | Ngành tốt nghiệp      | Xếp loại | Khóa |
|-----|--------------|--------------------|--------|------------|-------------|-----------|-----------|------------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|
|     |              |                    |        |            |             |           |           | Hệ 10                        | Hệ 4 | SỐ TC |                       |          |      |
| 141 | 050608200703 | Nguyễn Hoài        | Thương | 01/09/2002 | Đồng Nai    | Nữ        | HQ8-GE18  | 8.31                         | 3.33 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 142 | 050608200714 | Đoàn Hào           | Trang  | 01/10/2002 | Quảng Nam   | Nữ        | HQ8-GE18  | 8.42                         | 3.37 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 143 | 050608200785 | Nguyễn Thị Xuân    | Vy     | 01/10/2002 | Quảng Ngãi  | Nữ        | HQ8-GE18  | 8.25                         | 3.30 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 144 | 050608200021 | Võ Thị Lan         | Anh    | 14/10/2002 | Bình Phước  | Nữ        | HQ8-GE19  | 8.52                         | 3.41 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 145 | 050608200090 | Bùi Thị Diễm       | Mi     | 29/10/2002 | Đồng Nai    | Nữ        | HQ8-GE19  | 9.07                         | 3.63 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Xuất sắc | K8   |
| 146 | 050608200106 | Tăng Ngọc          | Ngân   | 25/10/2002 | Tuyên Quang | Nữ        | HQ8-GE19  | 7.99                         | 3.20 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 147 | 050608200200 | Nguyễn Ngọc Thảo   | Vy     | 07/11/2002 | Đồng Nai    | Nữ        | HQ8-GE19  | 8.34                         | 3.34 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 148 | 050608200250 | Nguyễn Phạm Chí    | Bảo    | 17/12/2002 | Lâm Đồng    | Nam       | HQ8-GE20  | 7.99                         | 3.20 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 149 | 050608200647 | Hoàng Võ Thanh     | Thảo   | 23/12/2002 | Bình Thuận  | Nữ        | HQ8-GE20  | 8.48                         | 3.39 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 150 | 050608200729 | Nguyễn Ngọc Phương | Trâm   | 13/12/2002 | Bình Dương  | Nữ        | HQ8-GE20  | 8.02                         | 3.21 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |
| 151 | 030436200235 | Phan Thị Hải       | Yến    | 05/10/2002 | Hưng Yên    | Nữ        | HQ8-GE20  | 8.30                         | 3.32 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |

Tổng cộng: 151 sinh viên ✓

